

Số: 224 /BC-THPTKD

Lương Bằng, ngày 08 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU
KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THPT Kim Động báo cáo công khai chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu – chi tài chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có)

- Tên trường: Trường THPT Kim Động.
- Tên trước đây: Trường cấp 3 Kim Động.

2. Địa chỉ

- Thôn Đồng Lý, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 02213.810.369

Website: <http://c3kimdong.hungyen.edu.vn>

Email: c3kimdong.hungyen@moet.edu.vn

3. Loại hình, chức năng, nhiệm vụ:

Loại hình: Công lập.

Cơ quan chủ quản: Sở GDĐT Hưng Yên.

Giáo dục phổ thông bậc Trung học phổ thông.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mệnh

Tạo dựng môi trường giáo dục toàn diện; cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đều được tôn trọng, yêu thương và an toàn; học sinh có cơ hội phát triển tài năng, phát huy tư duy sáng tạo; đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân, phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương, đất nước và hội nhập quốc tế.

4.2. Tầm nhìn

Là một trong những trường top đầu của tỉnh mà học sinh lựa chọn để học tập và rèn luyện nơi giáo viên, học sinh luôn có khát vọng vươn lên và phát huy tối đa năng lực của bản thân.

4.3. Giá trị cốt lõi

Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường bao gồm: Tinh thần đoàn kết – tinh thần trách nhiệm; lòng nhân ái – sự hợp tác; lòng tự trọng – tính trung thực; tính sáng tạo – khát vọng vươn lên.

5. Mục tiêu

5.1. Mục tiêu chung

Phát triển nhà trường theo mô hình “Trường học hạnh phúc”, có uy tín về chất lượng giáo dục đào tạo; sản phẩm là những công dân tương lai được phát triển toàn diện.

Học sinh được trang bị đầy đủ kiến thức phổ thông, phương pháp nghiên cứu khoa học, biết tự học, tự nghiên cứu, phát huy tốt khả năng để thành công trong mọi lĩnh vực.

5.2. Mục tiêu cụ thể

5.2.1. Quy mô trường lớp

Trường có 33 lớp với 1458 học sinh, trong đó:

- Khối 10 có 11 lớp với 499 học sinh.
- Khối 11 có 11 lớp với 485 học sinh.
- Khối 12 có 11 lớp với 474 học sinh.

5.2.2. Chất lượng các mặt giáo dục

a. Học sinh

- Tỷ lệ học sinh bỏ học: Không quá 0,2%
- Kết quả rèn luyện: Tốt: 95,54 %; Khá: 4.12%, Đạt 0,2%, Chưa đạt 0.07%
- Kết quả học tập: Tốt: 46.57% trở lên; Khá: 49.66 % , Đạt 3.7%, Chưa đạt 0.07%.
- Lưu ban (chung): có 1 HS, chếm 0,069%; Thi lại: 0
- Tỷ lệ lên lớp Trên 99,9%
- Tốt nghiệp THPT: 100%
- Thi đỗ ĐH: 75%
- Học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh: có 26 giải đạt 44%
- + Giải TDTT toàn quốc: đạt được 01 huy chương Bạc, 01 huy chương Đồng.
- + Giải TDTT cấp tỉnh: môn điền kinh có 06 giải, trong đó, có 03 huy chương Vàng, 01 huy chương Bạc, 02 huy chương Đồng. Môn cầu Lông đạt 02 huy chương Đồng.
- + Cuộc thi NCKHKT cấp tỉnh: có 01 sản phẩm dự thi đạt giải Nhất toàn tỉnh.
- + Cuộc thi “ATGT cho nụ cười ngày mai” cấp Quốc gia: có 02 giải Ba.
- + Hội thao QPAN toàn quốc: 01 giải Nhì và 01 giải Ba toàn năng; 01 giải Nhất, và 03 giải Ba hiểu biết chung; 03 giải Khuyến khích Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương.
- Tham gia đầy đủ các cuộc thi, hội thi do Sở hoặc Sở phối hợp với các ngành khác tổ chức.

b. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

- Xếp loại viên chức cuối năm: 100% HTTNV (trong đó có 20% HTSXNV, 80% à HTTNV, không có giáo viên bị kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật bị xử lý).

- Danh hiệu thi đua cuối năm:

* Cá nhân:

- + Có 08 sáng kiến của 21 CBGV được Sở GDĐT công nhận Đạt.

- + Có 17 GV có học sinh giỏi cấp tỉnh.
- + Đạt LĐTĐ: 68 (100%)
- + Đạt CSTĐ cấp cơ sở: $26/68 = 38\%$

* Tập thể:

- + Nhà trường: Đạt HTTNV.
- + Đoàn TN: Vững mạnh xuất sắc
- Khen thưởng:
- + Giấy khen của Giám đốc Sở: 2
- + Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh: 04
- + Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT: 1
- + Bằng khen tỉnh Đoàn: 1

5.2.3. Chất lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh, y tế học đường

- 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế.
- 100 % học sinh tham gia học giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh được đánh giá đạt yêu cầu.

5.2.4. Thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua

- 100% học sinh tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua.
- Mỗi bộ môn tổ chức 1 hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo.
- 100% học sinh tham gia đầy đủ các hoạt động nhân đạo.

6. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Được thành lập vào năm 1965, trải qua từng giai đoạn lịch sử, cùng với sự phát triển của ngành giáo dục, tên gọi của trường đã có ba lần thay đổi. Đầu tiên là Trường cấp 3 Kim Động, sau đó đổi thành Trường Phổ thông Trung học Kim Động và từ năm 2001 đến nay là Trường Trung học Phổ thông Kim Động.

Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Hưng Yên, Sở GDĐT tỉnh Hưng Yên, Huyện ủy, UBND huyện Kim Động, quy mô phát triển giáo dục của trường luôn được duy trì ổn định; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của nhà trường được đầu tư xây dựng, mua sắm, đáp ứng yêu cầu dạy và học; chất lượng giáo dục của nhà trường ổn định và từng bước phát triển, vị thế của trường từng bước khẳng định và đã đạt được một số thành tích đáng ghi nhận:

Năm 2000, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (Theo Quyết định số 397-KT/CT ngày 09/11/1999); năm 2015, được Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên tặng “Cờ thi đua” (Theo Quyết định số 1655/QĐ-CTUBND) ngày 31/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh) và được Thủ tướng Chính phủ tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” (Theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ); Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2023 (Quyết định số 2812/QĐ-CTUBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên); đạt kiểm định cấp độ 2 (Quyết định công nhận số 1869/QĐ-SGDĐT ngày 07/12/2023 của Giám đốc Sở GDĐT).

Năm học 2025-2026 trường có 33 lớp (11 lớp 10, 11 lớp 11, 11 lớp 12) với 1458 học sinh; có 33 phòng học kiên cố cao tầng, 01 phòng họp, 01 phòng làm việc của Hiệu trưởng, 02 phòng làm việc của Phó Hiệu trưởng, 12 phòng chuyên môn, 01 phòng thư

viện, 05 phòng học bộ môn; trường có tường bao, cổng trường, biển trường, cảnh quan xanh - sạch - đẹp; có 69 cán bộ, giáo viên, nhân viên (cán bộ quản lý: 03, giáo viên: 63, nhân viên: 03), 100% giáo viên đạt chuẩn, có 17 cán bộ, giáo viên trình độ trên chuẩn (tỷ lệ: 24,6%), được bố trí thành 06 tổ. Trường có 17 giáo viên được công nhận danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh (tỷ lệ: 25,8% tổng số cán bộ, giáo viên nhà trường).

7. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Người đại diện pháp luật: Ông Đoàn Văn Phong.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đồng Lý, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên.

Số điện thoại: 0382399886

Email: phonglanhy2007@gmail.com

8. Tổ chức bộ máy

8.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có): Quyết định cũ bị thất lạc; Quyết định mới: Số 583/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên.

8.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TTB-GDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT), Hội đồng trường được kiện toàn theo Quyết định số 136/QĐ-SGDĐT ngày 27/02/2025 của Sở GDĐT Hưng Yên về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường Trường Trung học phổ thông Kim Động nhiệm kỳ 2021-2026 (Gồm 15 đồng chí).

8.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục

- Hiệu trưởng: Đoàn Văn Phong.

+ Ngày tháng năm sinh: 05/9/1970.

+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THPT Kim Động từ ngày 01/04/2023 theo Quyết định số 385/QĐ-SGDĐT ngày 05/9/2025 của Giám đốc Sở GDĐT tỉnh Hưng Yên.

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 03 năm 02 tháng.

- Phó hiệu trưởng: Đinh Văn Hữu

+ Ngày tháng năm sinh: 25/03/1977.

+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THPT Kim Động (Bổ nhiệm lần 2) từ ngày 01/11/2022 theo theo Quyết định số 243/QĐ-SGDĐT ngày 04/9/2025 của Giám đốc Sở GDĐT tỉnh Hưng Yên..

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 8 năm 07 tháng.

- Phó hiệu trưởng: Phạm Thị Nguyễn
+ Ngày tháng năm sinh: 01/04/1979.
+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THPT Kim Động (Bổ nhiệm lần 2) từ ngày 15/07/2023 theo theo Quyết định số 386/QĐ-SGDĐT ngày 05/9/2025 của Giám đốc Sở GDĐT tỉnh Hưng Yên.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 6 năm 11 tháng.

8.4. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

8.4.1. Cơ chế hoạt động của trường THPT Kim Động

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

8.4.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường

Trường THPT Kim Động là cơ sở giáo dục trung học phổ thông (THPT) của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GDĐT tỉnh Hưng Yên, có nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GDĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GDĐT.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên và HS tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo

quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVCh), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục (HGD); bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các HGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 50 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 71 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

+ 05 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

+ 33 lớp học với 1458 học sinh.

9. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính, quy tắc ứng xử trong nhà trường, quy chế chuyên môn...(Có văn bản kèm theo).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:

1. Số biên chế được giao năm 2026

Số biên chế được giao năm 2026: 76

Số biên chế hiện tại: 70

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	0	1	
Phó Hiệu trưởng	2	1	0	0	1	1	
Giáo viên	63	51	1	0	48	15	
Nhân viên	3	3	0	0	3	0	
Cộng	69	55	1	0	52	17	

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Tổng	Trình độ đào tạo	KQ bồi dưỡng	Chuẩn nghề nghiệp
----	----------	------	------------------	--------------	-------------------

		số					hàng năm					
			TS	ThS	ĐH	CD	Số lượng	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số GV, CBQL và NV	69	0	17	62	0	69	100				
I	Giáo viên	63	0	15	0	0	63	100				
1	Toán	9	0	3	4	0	5	71.4				
2	Vật lí	6	0	2	1	0	3	100				
3	Hóa học	5	0	2	1	0	3	100				
4	Sinh học	3	0	0	2	0	2	100				
5	Tin học	4	0	0	3	0	3	100				
6	Ngữ văn	10	0	4	3	0	6	85				
7	Lịch sử	4	0	0	4	0	3	85				
8	Địa lý	4	0	1	1	0	2	100				
9	GDKT&PL	2	0	0	3	0	3	100				
10	Tiếng Anh	5	0	1	5	0	5	85				
11	Công nghệ	4	0	1	1	0	2	100				
12	GDTC	4	0	0	5	0	5	100				
13	GDQP&AN	3	0	0	2	0	1	50				
II	Cán bộ QL											
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	1	100				
2	Phó HT	2	0	1	1	0	2	100				
III	Nhân viên											
1	Văn thư	1	0	0	1	0						
2	Kế toán	1	0	0	1	0						
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0						
4	NV Y tế	0	0	0	0	0						
5	Thư viện	1	0	0	1	0						

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân/đối sánh với yêu cầu tối thiểu
I	Số phòng học	33	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	33	Đạt yêu cầu
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	5	Đạt yêu cầu

6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	Đạt yêu cầu
8	Bình quân học sinh/lớp	44,2	Đạt yêu cầu
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	26.960 m ²	19.30 m ² /1 học sinh (Đạt yêu cầu)
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	10000	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	50-70	Đạt yêu cầu
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	70	Đạt yêu cầu
3	Diện tích thư viện (m ²)	450	Đạt yêu cầu
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	18/54	Đạt yêu cầu
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	3	
1.1	Khối lớp 10	1	Đạt yêu cầu
1.2	Khối lớp 11	1	Đạt yêu cầu
1.3	Khối lớp 12	1	Đạt yêu cầu
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10	0	
2.2	Khối lớp 11	0	
2.3	Khối lớp 12	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	Sân bóng, khu tập luyện TDTT (m ²)	450	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	90	Số học sinh/bộ 9.6
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	0	
2	Cát xét	5	
3	Đầu Video/đầu đĩa	5	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác	50	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	0	

2	Cát xét	5	Đạt yêu cầu
3	Đầu Video/đầu đĩa	5	Đạt yêu cầu
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	Đạt yêu cầu
5	Thiết bị khác...	50	Đạt yêu cầu
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Điện lưới	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường THPT Kim Động đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Đã tự đánh giá chất lượng giáo dục để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về Sở GDĐT; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác

động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THPT Kim Động đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm các thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ, lãnh đạo trường, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng tổ Văn phòng, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 2 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1. Theo lộ trình, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, sẽ mời đoàn đánh giá ngoài về kiểm tra công nhận vào tháng 10/2028.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Cam kết chất lượng giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh học xong Chương trình THCS, có nguyện vọng thi vào trường		
2	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.		
3	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	GVCN thông báo với phụ huynh về tình hình học tập của học sinh qua: - Sở liên lạc điện tử (EnetViet). - Các cuộc họp phụ huynh. - Gặp gỡ trực tiếp		
4	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh	- Hỗ trợ chi phí học tập. - Miễn giảm học phí.		

	hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tặng học bổng.		
5	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- 5 phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - Những năng lực chung, được tất cả các môn học và hoạt động giáo dục góp phần hình thành, phát triển: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Những năng lực chuyên môn, được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định: Năng lực ngôn ngữ, tính toán, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.		
6	Khả năng học tập tiếp tục của HS	100%	100%	80%

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của nhà trường năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo Kết quả rèn luyện	1458	499	485	474
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1393 95.5	466 93.39	458 94.43	469 98.95
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	60 4.12	31 6.21	24 4.95	05 1.05
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	04 0.27	01 0.2	03 0.62	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.07	1 0.2	0	0
II	Số học sinh chia theo Kết quả học tập	1458	499	485	474
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	679 46.57	199 39.88	231 47.63	249 52.53
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	724 49.66	273 54.71	235 48.45	216 45.57
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	54 3.7	26 5.21	19 3.92	09 1.9
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.07	1 0.2	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm học				
1	Lên lớp	1458	498	485	474

	(tỷ lệ so với tổng số)	100%	99.7%	100%	100%
a	Học sinh giỏi, HSXS (tỷ lệ so với tổng số)	121 8.1			
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.07	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi	15	0	0	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ)	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi HSG				
1	Cấp tỉnh/thành phố				26
3	Quốc gia, khu vực một số nước				0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi TN				474
VI	Số học sinh được công nhận TN				474
VII	Số học sinh thi đỗ ĐH, CĐ				306
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	698/760	256/243	214/271	207/267
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	03	01	01	01



VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Các khoản thu phân theo:

- Nguồn kinh Phí:

+ Ngân sách nhà nước:

Nguồn thường xuyên: 17.159.500.000 đồng

Nguồn không thường xuyên: 4.617.860.000 đồng

+ Thu khác: 0 đồng

- Loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác): Không

1.2. Các khoản chi phân theo:

- Chi tiền lương và thu nhập: 14.454.568.457đồng
- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 1.931.436.299 đồng
- Chi hỗ trợ người học: 20.250.000đồng
- Chi khác: 5.317.105.244đồng

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học 2025-2026 và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

- Tiền nước uống: 10.000 đồng/HS/tháng
- Tiền trông giữ xe đạp điện, xe máy điện, xe máy dưới 50cc: 15.000 đồng/HS/tháng
- Tiền trông giữ xe đạp thường: 10.000 đồng/HS/tháng

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Thực hiện kịp thời và đúng theo qui định

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

Số dư các quỹ theo quy định:

- Ngân sách nhà nước (Nguồn không thường xuyên):
- Học phí: Không
- Thu khác: Không

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 60 năm thành lập trường THPT Kim Động, buổi Lễ đã diễn ra thành công tốt đẹp, vừa trang trọng, vừa thân tình, ấm áp. Đó là một sự kiện có ý nghĩa vô cùng sâu sắc đối với các thế hệ CB, GV, NV, HS nhà trường, sự kiện đã nhận được sự quan tâm, ủng hộ của rất nhiều quý vị đại biểu, doanh nghiệp, các cấp lãnh đạo, CB, GV, NV, các thế hệ cựu HS, PHHS.

- Tổ chức Lễ khai giảng, Lễ kỷ niệm ngày 20/11, Hội thao QPAN dịp 22/12, Lễ kỷ niệm ngày 26/3.

- Tổ chức và chỉ đạo hoạt động của các CLB Sách và hành động, CLB Tiếng Anh, CLB bóng rổ, câu lạc bộ bóng chuyền, CLB Ghi ta, câu lạc bộ phát thanh...

- Tổ chức Hội nghị đối thoại giữa đại diện phụ huynh, đại diện học sinh với lãnh đạo trường.

- Tổ chức hoạt động ngoại khóa cho học sinh tại khu di tích Bạch Đằng Giang, TP Hải Phòng, Trung Đoàn 52 Tây Tiến Mộc Châu Sơn La.

- Phối hợp với công an huyện Kim Động tổ chức 1 buổi tuyên truyền Luật giao thông đường bộ, ma túy, kiểm tra, phát hiện, thu hồi vũ khí vật liệu nổ trong học sinh; Phối hợp với Tỉnh Đoàn và Sở Tư pháp tổ chức 01 buổi tuyên truyền về pháp luật cho học sinh; Phối hợp với Sở Lao động thương binh và xã hội tổ chức 01 buổi tuyên truyền về sức khỏe sinh sản vị thành niên.

- Phối hợp với công an huyện Kim Động triển khai thực hiện Chỉ thị 31/CT-TTg ngày 21/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho lứa tuổi học sinh trong tình hình mới.

- Tổ chức giải bóng đá nam học sinh và các giải TDTT khác.

- Tham gia chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ xã Lương Bằng. 

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Hưng Yên (để b/c);
- Thông báo (niêm yết);
- Lưu: VT.



Đoàn Văn Phong